

MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC ĐỊNH CƠ SỞ ĐỊNH DANH TÊN CÂY THUỐC TRONG TIẾNG VIỆT

TRẦN THỊ HƯƠNG *

Tóm tắt: Đối tượng định danh vốn có rất nhiều đặc điểm có thể tri nhận. Khi cần chọn một đặc điểm nổi bật, có tính đặc trưng để làm cơ sở đặt tên (lý do đặt tên), chủ thể định danh đã “xoay” đối tượng theo nhiều chiều, nhiều phía khác nhau để lựa chọn đặc trưng tiêu biểu nhất. Sau đó dùng yếu tố ngôn ngữ để biểu thị đặc trưng ấy. Thông thường, mỗi đối tượng sẽ có một đặc trưng được chọn làm cơ sở gọi tên. Tuy nhiên, cũng có trường hợp cùng một đối tượng có nhiều tên gọi được đặt theo cách thức sử dụng ngôn ngữ để biểu thị đặc trưng riêng thì mỗi một tên gọi này ứng với một đặc trưng của đối tượng mà chủ thể định danh lựa chọn.

Từ khóa: Tên cây thuốc, định danh, tên gọi, cơ sở định danh cây thuốc Việt Nam.

Abstract: The objects of nomination have many perceivable characteristics. Whenever it is necessary to select a prominent and typical feature as a basis for naming, the subjects of nomination will rotate the object in different directions to choose the most typical feature and then use linguistic factors to denote that feature. In most cases, each object has a typical feature chosen as the basis of naming, however, there are some cases in which the same object has many names created by using linguistic features. Each of these names corresponds to a feature of the object chosen by the nomination subjects.

Keywords: Name of medicinal plants, identify, name, basis for nomination of Vietnamese medicinal plants.

1. Dẫn nhập

Cách đặt tên sự vật, hiện tượng là một nội dung quan trọng trong nghiên cứu về định danh. Chúng tôi căn cứ vào toàn bộ tên gọi (đối với tên chung có cấu tạo bằng một từ đơn âm tiết) và căn cứ vào thành tố khu biệt đối tượng (đối với tên chung có cấu tạo bằng một từ ghép nhiều âm tiết hoặc tên riêng) để xác định phương thức định danh. Thông thường, chủ thể định danh chỉ vận dụng một phương thức để đặt tên. Có một số trường hợp một tên gọi nhưng lại có sự biểu hiện của nhiều phương thức đặt tên khác nhau: phương thức cơ sở, phương thức vay mượn,... Theo chúng tôi, định danh là sự tổng hợp những đặc trưng đó.

2. Miêu tả đặc điểm định danh tên gọi cây thuốc Việt Nam

2.1. Miêu tả đặc điểm định danh của đơn vị định danh đơn giản (định danh cơ sở)

Trên cơ sở khảo sát và phân loại tên gọi cây thuốc Việt Nam về mặt cấu tạo, chúng tôi tiến hành phân tích đặc điểm ngữ nghĩa của chúng dựa theo đặc điểm ngữ nghĩa của các danh từ chung để định danh.

Tên gọi cây thuốc Việt Nam là đơn vị định danh đơn giản được tạo bởi những đơn vị định danh tối giản về mặt hình thái cấu trúc (một tiếng), mang nghĩa đen, được dùng làm cơ sở

* ThS - Học viện Quân y; Email: tranhuongj8@gmail.com

để tạo ra các đơn vị định danh khác. Không có từ ngữ nào mang nghĩa bóng. Các đơn vị định danh đơn giản trong cấu tạo tên gọi cây thuốc

TT	Đặc điểm chung	Ví dụ
1	Quả	Cây (<i>Trvingia malayana</i>), Chanh (<i>Citrus aurantifolia</i>), Hôi (<i>Illicium verum</i>),...
2	Lá	Chè (<i>Camellia sinensis</i>), Giam (<i>Grewia eriocarpa</i>), Lôi (<i>Crypteronis paniculata</i>),...
3	Hoa	Gạo (<i>Bombax malabaricum</i>), Ngâu (<i>Aglaia odorata</i>),...
4	Củ	Gừng (<i>Zingiber eberhardtii</i>), Gai (<i>Boehmeria nivea</i>), Lạc (<i>Arachis hypogaea</i>), Nghệ (<i>Curcuma longa</i>),...
5	Rau	Diếp (<i>Lactuca sativa</i>), Dón (<i>Diplazium subsinuatum</i>), Má (<i>Centella asiatica</i>), Mỏ (<i>Paederia lanuginosa</i>),...
6	Dây	Lức (<i>Phyla nodiflora</i>), Mất (<i>Derris elliptica</i>), Mối (<i>Stephania hernandiifolia</i>),...

Bảng 1. Biểu thức định danh dùng thành tố cơ sở

Việt Nam đều là các đơn vị cơ sở để sản sinh các từ ngữ là đơn vị định danh phức hợp.

Qua khảo sát 1.966 tên gọi cây thuốc Việt Nam, chúng tôi thu được 6 yếu tố là các bộ phận được dùng làm thuốc của 110 đơn vị cây thuốc có cấu tạo là từ đơn làm những thành tố cơ sở (chiếm 5,60%). Các đơn vị định danh cơ sở này có đặc điểm là các bộ phận của cây thuốc: *hoa, quả, lá, củ, rau, dây*, đây là danh từ chung được dùng để định danh cá thể; sau đó các đơn vị này sẽ trở thành danh từ riêng khi kết hợp với từng tên gọi cây thuốc Việt Nam và sẽ trở thành đơn vị định danh phức hợp (từ ghép và cụm từ). Trong định danh tên gọi cây thuốc, các danh từ chung phần lớn không hoạt động độc lập mà thường kết hợp

với các đặc điểm riêng để tạo thành tổ hợp dùng để định danh.

2.2. Miêu tả đặc điểm định danh của đơn vị định danh phức hợp

Tất cả các đơn vị định danh phức hợp của tên gọi cây thuốc đều được tạo nên bằng con đường hình thái cú pháp: sử dụng từ hai hoặc hơn hai đơn vị có nghĩa trở lên. Cụ thể, có hai quá trình tạo lập các tên gọi cây thuốc.

Quá trình thứ nhất là việc tạo tên gọi với phương thức cơ bản là ghép các yếu tố có nghĩa kết hợp với nhau theo quan hệ ghép chính phụ. Trong đó, phần lớn yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau theo trật tự cú pháp của tiếng Việt. Yếu tố chính đứng trước có chức năng quy loại khái niệm, yếu tố phụ đứng sau biểu thị đặc trưng khu biệt được lựa chọn để gọi tên và xác định nghĩa cho yếu tố phụ đứng trước. Ví dụ: Trong từ ghép *Chè đắng* (*Ilex kaushue*), *chè* đứng trước có chức năng quy loại “loài thực vật”: cây cao khoảng 20 - 30m, thân hình chùy tròn, phiến lá dài, mép lá có răng cưa, cuống lá thô ngắn hình tròn, không rãnh, đỉnh nhọn, hoa có màu vàng,..., *đắng* đứng sau biểu thị tính chất được lựa chọn để cấu tạo từ ghép.

Quá trình thứ hai để tạo các đơn vị định danh phức hợp bằng con đường cú pháp là quá trình từ vựng hóa các tổ hợp. Đó là quá trình chuyên hóa những tổ hợp thành những đơn vị định danh mang tính thành ngữ. Tính thành ngữ của các đơn vị này biểu hiện ở tính bền vững về mặt hình thái cấu trúc và tính bóng bẩy về mặt ngữ nghĩa với những mức độ khác nhau. Thông thường, có hai loại tổ hợp được từ vựng hóa là tổ hợp tự do và tổ hợp cố định. Tuy nhiên, trong hệ thống tên gọi cây thuốc chỉ xuất hiện tổ hợp tự do được từ vựng hóa và quan hệ của các yếu tố trong các tổ hợp này cũng là quan hệ chính phụ. Yếu tố chính đứng trước có chức năng quy loại khái niệm, yếu tố phụ đứng sau biểu thị đặc trưng được lựa chọn để gọi tên. Ví dụ: Chia vôi bốn cạnh (*Cissus*

quadrangularis), Chó đẻ răng cưa (*Phyllanthus urinaria*), Cốt toái bồ lá lớn (*Davallia divaricata*), Diệp hạ châu thấp (*Phyllanthus eleanus*), Đại hoàng chân vịt (*Rheum palmatum*), Đông trùng hạ thảo (*Cordyceps sinensis*),...

Hai quá trình tạo lập đơn vị định danh phức hợp trong hệ thống tên gọi cây thuốc như trên sẽ cho kết quả: có các đơn vị là các từ và các đơn vị là cụm từ (ngữ). Trong bài viết này, chúng tôi phân tích sự quy loại khái niệm của tên gọi cây thuốc với tư cách là những đơn vị định danh phức hợp và việc lựa chọn các đặc trưng khu biệt để gọi tên cây thuốc Việt Nam.

Việc quy loại hệ thống tên gọi cây thuốc là các đơn vị định danh phức hợp biểu đạt nằm ở thành tố chính của tên gọi. Do đó, thành tố chính chỉ đặc điểm đồng nhất với các tên gọi khác và tạo thành một nhóm. Tạo sự khu biệt giữa các tên gọi trong nhóm là chức năng của các thành tố phụ. Hay nói cách khác, thành tố

Như vậy, theo cấu tạo của từ ghép chính phụ trong tiếng Việt, quá trình định danh diễn ra theo hai bước: 1- Quy loại sự vật, hiện tượng mới; 2- Tìm đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng mới có chức năng khu biệt với những sự vật, hiện tượng cùng loại.

3. Cơ sở định danh tên gọi cây thuốc Việt Nam

3.1. Những tên gọi không lý do

Qua khảo sát 1.966 tên gọi cây thuốc Việt Nam, chúng tôi thu được 151 đơn vị (chiếm 7,68%) là tên gọi không lý do, chủ yếu là những tên gọi có cấu tạo là từ đơn thuần Việt và từ vay mượn ngôn ngữ Ấn - Âu.

Ví dụ: Ví dụ: Actisô (*Asteria ccae*), Bàng (*Terminalia catappa*), Báng (*Arenga pinnata*), Cẩng (*Mitrasacme pygmaea*), Hẹ (*Allium cepa*), Lúc (*Pluchea pteropoda*), Mua (*Melastoma candidum*), Quế (*Cinnamomum cassia*), Quyết (*Pteridium aquilinum*), Riềng (*Alpinia officinarum*), Si (*Ficus benjamina*), Sung (*Ficus raseosa*),...

Đó là một trong những nhóm từ xuất hiện sớm trong vốn từ tiếng Việt hoặc vay mượn ngôn ngữ nước ngoài. Do vậy, chúng thường khó tìm được lý do vì sao xuất hiện những tên gọi đó. Những bản thảo này không phải bây giờ mới gặp mà trước đó, nhiều nhà nghiên cứu cũng đành bỏ ngỏ hoặc chưa có sự sách nào ghi lại vì nó còn liên quan đến lịch sử, địa lý, văn hóa,...

3.2. Những tên gọi có lý do

Có thể nói rằng cấu tạo tên gọi cây thuốc Việt Nam có độ phân tích tính cao. Hình thức chủ yếu là từ phái sinh. Đây là những tên gọi mà dựa vào hình thái bên trong của tên gọi chúng ta có thể giải thích được lý do. Đại đa số các tên gọi có cấu tạo là từ ghép đều là những tên gọi mà dựa vào hình thái bên trong của từ, tức là dựa vào ý nghĩa các thành phần được tách ra trong tên gọi, người ta có thể hiểu được lý do của nó. Các thành tố cấu tạo nên các ngữ định danh đều có thể phân tích dễ dàng theo các thành tố trực tiếp. Đặc biệt các

Thành tố chính	Thành tố phụ
Chi loại (đặc điểm đồng nhất với các sự vật, hiện tượng khác)	Chi đặc điểm, tính chất có giá trị khu biệt (đặc điểm đối lập với các sự vật, hiện tượng đồng loại)
Gừng	gió, lúa, tía
Hương nhu	tía, trắng
Khổ sâm	Bắc Bộ, mềm
Nấm	bụng dê, chai gù, đất, đầu khi
Nghê	bào, chàm, chân vịt, hình sợi
Ngũ gia bì	Chân chim, gai, hương
Nhân trần	bắc, lông
Sâm	đất, đại hành, hoàn dương xanh đậm
Từ châu	cuống có hoa, Đài Loan, lá dài
Xú hương	Bắc Bộ, Trung Quốc

Bảng 2. Cấu tạo của các đơn vị định danh phức hợp chỉ tên gọi cây thuốc Việt Nam

phụ chuyên tải đặc trưng khu biệt được lựa chọn làm cơ sở định danh cho mỗi kiểu tên gọi.

ngữ định danh trong cấu tạo tên gọi cây thuốc Việt Nam có tính lý do rất rõ.

Để phân tích nội dung biểu đạt của tên gọi cây thuốc Việt Nam, chúng tôi có thể chia ra làm hai loại. Loại thứ nhất mang nội dung cơ bản, gọi thẳng tên cây thuốc. Loại thứ hai có nhiệm vụ mô tả đặc điểm, hình dáng, tính chất, thuộc tính cơ bản,... của cây thuốc và được định danh một cách chi tiết hơn, cụ thể hơn có liên quan logic đến tên gọi ở loại thứ nhất, chúng có tính khu biệt cao. Các tên gọi mới được tạo ra dựa trên các mối quan hệ ngữ nghĩa và thông qua việc lựa chọn đặc trưng làm cơ sở định danh cho chúng.

Dấu hiệu là một sự vật hay hiện tượng kích thích vào giác quan của con người làm người ta tri giác được, lý giải và suy diễn một cái gì đó ngoài sự vật ấy. Ở đây, bài viết nghiên cứu dấu hiệu của tên gọi cây thuốc Việt Nam ở hai mặt: âm thanh và ý nghĩa. Âm thanh là cái biểu đạt, ý nghĩa là cái được biểu đạt.

Để nêu được tính đặc thù trong việc lựa chọn đặc trưng làm cơ sở đặt tên các cây thuốc Việt Nam, chúng tôi xem xét hình thái bên trong của cách gọi tên được xác định bởi các đặc trưng được chọn làm nét khu biệt của tên gọi.

Dựa trên kết quả khảo sát và phân tích về danh phức hợp, định danh tên gọi cây thuốc Việt Nam, chúng tôi thu được kết quả sau: 1.186/1.966 đơn vị định danh (chiếm 60,32%)

TT	Cơ sở định danh	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Thành tố chi loài + 1 dấu hiệu chỉ đặc điểm	1.186	60,32
2	Thành tố chi loài + 2 dấu hiệu chỉ đặc điểm	615	31,28
3	Thành tố chi loài + 3 dấu hiệu chỉ đặc điểm	15	0,72
Tổng		1815	92,32

Bảng 3. Cơ sở định danh tên gọi cây thuốc Việt Nam

có đặc trưng: dùng thành tố chỉ loài kết hợp với các dấu hiệu chỉ đặc điểm để định danh.

Chúng tôi lần lượt phân tích những đặc trưng được sử dụng làm cơ sở để định danh tên gọi cây thuốc qua các bảng sau: (Xem bảng 4, 5, 6)

Như vậy, qua Bảng 4 chúng tôi thấy có 1.186/1.815 đơn vị (chiếm 60,32%) gồm thành tố chi loài + 1 dấu hiệu chỉ đặc điểm để tạo thành tên gọi với 13 đặc trưng được chọn làm cơ sở định danh.

Qua Bảng 5 cho thấy có 614/1.815 (chiếm 31,28%) đơn vị gồm thành tố chi loài + 2 dấu hiệu chỉ đặc điểm để tạo thành tên gọi với 7 đặc trưng được chọn làm cơ sở để định danh tên gọi cây thuốc Việt Nam.

Qua Bảng 6 cho thấy có 15/1.815 (chiếm 0,72%) đơn vị gồm thành tố chi loài + 3 dấu hiệu chỉ đặc điểm để tạo thành tên gọi với 2 đặc trưng được chọn làm cơ sở để định danh tên gọi cây thuốc Việt Nam.

4. Kết luận

Qua việc phân tích các đặc trưng được chọn làm cơ sở định danh, chúng ta có thể thấy rằng: Người Việt thường lựa chọn các đặc trưng “đập vào mắt” để định danh cho tên gọi cây thuốc như tính chất, hình dáng, kích thước, màu sắc, địa danh,... Đặc biệt, có một sự liên tưởng rất phong phú trong suy nghĩ của người Việt, đó là dựa vào những đặc điểm của từng sự vật, con vật rất gần gũi trong cuộc sống hàng ngày để liên tưởng, hình dung và đặt tên cho các cây thuốc có hình dạng giống như vậy. Điều này cũng phản ánh quy luật phổ quát chung trong quá trình tri nhận hiện thực khách quan và biểu thị hiện thực khách quan đó bằng ngôn ngữ. Quy luật đó là những đặc điểm, thuộc tính hoặc quan hệ nào đó của sự vật hiện ra rõ ràng hơn cả so với sự vật khác, “đập ngay vào mắt” thì dễ được sử dụng để định danh cho chính sự vật ấy hơn. Hình dạng của sự vật rõ ràng là tiêu chuẩn hoàn hảo và tin cậy hơn cả, nghĩa là những thuộc tính hiện hữu nhất để biểu thị

những sự vật đó và khu biệt chúng làm cho cái này khác hẳn cái kia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hoàng Văn Hành, *Về cơ chế cấu tạo các đơn vị định danh bậc hai trong các ngôn ngữ đơn lập*, in trong *Những vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

[2] Nguyễn Thúy Khanh, *Đặc điểm định danh của trường tên gọi động vật trong tiếng Việt*, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 1, 1994.

[3] Nguyễn Đức Tồn, *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

[4] Viện Dược liệu, *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2016.

TT	Thành tố (TT) chỉ loài + 1 dấu hiệu chỉ đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ví dụ
1	TT chỉ loài + hình dáng, kích thước	283	14,39	Củ diệp xanh (<i>Bulbophyllum concinnum</i>), Cơm nguội vôi (<i>Ardisia mamillata</i>), Thạch斛 duyên dáng (<i>Dendrobium loddigesii</i>), Bôi ngòi lớn (<i>Hedyotis hedyotidea</i>), Chà là nhỏ (<i>Phoenix loureiri</i>), Huyết rồng nhọn (<i>Spatholobus acuminatus</i>), Lũ đặng cong (<i>Lindernia anagallis</i>),...
2	TT chỉ loài + tính chất	215	10,93	Áu đại (<i>Trapa incisa</i>), Bán tự mọc (<i>Hemigraphis hirsuta</i>), Khô sâm mềm (<i>Brucea mollis</i>), Kinh giới nhẵn (<i>Elsholtzia rugulosa</i>), Mật sạ cứng (<i>Meliosma simplicifolia</i>), Rau ngót (<i>Sauropus androgynus</i>), Tảo lò xo (<i>Spirulina platensis</i>),...
3	TT chỉ loài + màu sắc	138	7,02	Cốt khí tía (<i>Tephrosia perpurea</i>), Đổ trọng tía (<i>Euonymus chinensis</i>), Khôi trắng (<i>Ardisia gigantifolia</i>), Mào gà đỏ (<i>Celosia argentea</i>), Mãn mãn tím (<i>Cleome chelidoni</i>), Móc mèo xanh (<i>Caesalpinia digyna</i>), Nghệ trắng (<i>Curcuma aromatica</i>), Trắc đen (<i>Dalbergia nigrescens</i>),...
4	TT chỉ loài + bộ phận con vật	121	6,15	Hoa móng rồng (<i>Artabotrys hexapetalus</i>), Cỏ roi ngựa (<i>Verbena officinalis</i>), Dây ruột gà (<i>Clematis chinensis</i>), Xương cá (<i>Euphorbia bracteata</i>), Độc hoạt đuôi trâu (<i>Heracleum hemsleyanum</i>), Ké đầu ngựa (<i>Xanthium strumarium</i>), Nấm mỡ gà (<i>Cantharellus cibarius</i>), Nấm bụng dê (<i>Morchella esculenta</i>), Rau càng cua (<i>Oenanthe javanica</i>),...
5	TT chỉ loài + đặc điểm mùi vị	92		Bản chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>), Cát đắng thơm (<i>Thunbergia fragrans</i>), Cỏ ngọt (<i>Stevia rebaudiana</i>), Diệp đắng (<i>Sonchus oleraceus</i>), Mướp đắng (<i>Momordica charantia</i>),...
6	TT chỉ loài + hình thức đồ dùng	81		Củ bình vôi (<i>Stephania rotunda</i>), Dây chìa vôi (<i>Cissus repens</i>), Dây quai bị (<i>Tetrastigma strumarium</i>), É dùi trống (<i>Hyptis brevipes</i>),...
7	TT chỉ loài + môi trường sống	75		Chà là biển (<i>Phoenix paludosa</i>), Dâu núi (<i>Duchesnea indica</i>), Hy thiêm núi (<i>Sigesbeckia glabrescens</i>), Sen cạn (<i>Tropaeolum majus</i>), Sứ sa mạc (<i>Alstonia scholaris</i>), Tang ký sinh (<i>Loranthus gracilifolius</i>), Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i>),...

8	TT chỉ loài + chức năng, công dụng	62		Dây đau xương (<i>Tinospora sinensis</i>), Thuốc bông (<i>Kalanchoe pinnata</i>), Thuốc giun (<i>Hanguana malayana</i>), Thuốc hen (<i>Tylophora indica</i>), Rong thận đĩa (<i>Halimeda discoidea</i>), Rong tiêu cầu (<i>Chlorella ellipsoidea</i>),...
9	TT chỉ loài + bộ phận con người	41		Bích trai nách (<i>Cyanotis axillaris</i>), Bích trai râu (<i>Cyanotis vaga</i>), Địa y phổi (<i>Lobaria pulmonacea</i>), Lá ngón (<i>Gelsemium elegans</i>), Lẹo mắt (<i>Colubrina asiatica</i>), Rau má (<i>Centella asiatica</i>), Trinh nữ (<i>Mimosa pudica</i>),...
10	TT chỉ loài + địa danh	39		Đương quy Trung Quốc (<i>Angelica sinensis</i>), Liên đằng pierre (<i>Illigera pierrei</i>), Song bẻ Treub (<i>Paraboea treubii</i>), Sơn mộc Trung Quốc (<i>Peliosanthes sinica</i>), Sóc Xri Lanca (<i>Glochidion zeylanicum</i>), Sung Esquirol (<i>Ficus esquiroliana</i>), Tế tân blume (<i>Asarum blumei</i>), Tử châu Đài Loan (<i>Callicarpa formosana</i>),...
11	TT chỉ loài + đặc điểm số lượng bộ phận của cây	17		Ba bông (<i>Aerva sanguinolenta</i>), Ba chẽ (<i>Dendrolobium triangulare</i>), Ba chạc (<i>Euodia lepta</i>), Ba kích (<i>Morinda officinalis</i>), Bảy lá một hoa (<i>Paris chinensis</i>), Ngũ gia bì (<i>Acanthopanax lasiogyne</i>),...
12	TT chỉ loài + tên người phát hiện	13		Ông lão Armand (<i>Clematis armandii</i>), Ông lão Henry (<i>Clematis henryi</i>), Ông lão Loureiro (<i>Clematis loureiriana</i>),...
13	TT chỉ loài + thời gian	9		Bạch châu bán hạ (<i>Gaultheria semiinfera</i>), Hoa mười giờ (<i>Portulaca grandiflora</i>), Bách nhật (<i>Gomphrena globosa</i>),...
Tổng		1.186	60,32	

Bảng 4. Thành tố chỉ loài kết hợp 1 dấu hiệu chỉ đặc điểm

TT	Thành tố (TT) chỉ loài + 3 dấu hiệu chỉ đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ví dụ
1	TT chỉ loài + tính chất + bộ phận + kích thước, hình dáng	12	0,58	Rau diếp đắng răng nhỏ (<i>Ixeridium gracile</i>), Ráy leo cuống có đốt (<i>Rhaphidophora peepla</i>), Nấm lim óng nhiều tầng (<i>Ganoderma applanatum</i>), Quyết lông giá thùy nhọn (<i>Thelypteris falciloba</i>), Ráng cù lằn đầu nhọn (<i>Christella acuminata</i>),...
2	TT chỉ loài + môi trường + bộ phận + kích thước	03	0,14	Mẫu kinh núi lông ngắn (<i>Vitex quinata</i>), Móng rồng lá bắc dài (<i>Oberonia mucronata</i>), Thanh minh hoa dài lớn (<i>Beaumontia murtonii</i>).
Tổng		15	0,72	

Bảng 6. Thành tố chỉ loài kết hợp 3 dấu hiệu chỉ đặc điểm

TT	Thành tố (TT) chỉ loài + 2 dấu hiệu chỉ đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ví dụ
1	TT chỉ loài + bộ phận + tính chất, hình dáng	214	3,15	Bạc thau lông mềm (<i>Argyreia mollis</i>), Bạch tiền lá liễu (<i>Cynanchum stauntonii</i>), Dây quai bị lá thon (<i>Tetrastigma lanceolarium</i>), Ngây lá tim ngược (<i>Rubus obcordatus</i>), Vạn niên thanh chân mảnh (<i>Aglaonema tenuipes</i>), Tam thất lá xẻ (<i>Panax bipinnatifidus</i>), Thành ngành lá hẹp (<i>Cratoxylon sumatranum</i>), Tổ điều lá grom (<i>Asplenium ensiforme</i>),...
2	TT chỉ loài + bộ phận + kích thước	117	2,29	Bạch đồng hoa to (<i>Clerodendrum chinense</i>), Com người thân ngắn (<i>Ardisia brevicaulis</i>), Cốt toái bỏ răng nhỏ (<i>Davallia denticulata</i>), Sâm dương hoắc hoa to (<i>Epimedium macranthum</i>), Bạc hà lá tròn (<i>Mentha rotundifolia</i>), Kê đầu ngựa góc lệch (<i>Xanthium inaequilaterum</i>), Lậu đông cuống ngắn (<i>Cleidion brevipedunculatum</i>),...
3	TT chỉ loài + bộ phận + màu sắc	112	2,19	Bại tượng hoa trắng (<i>Patrinia villosa</i>), Cầu kỳ quả đen (<i>Lycium ruthenicum</i>), Cỏ đề hoa đỏ (<i>Phyllanthus banii</i>), Đuôi công hoa trắng (<i>Plumbago zeylanica</i>), Hoắc hương hoa hồng (<i>Pogostemon purpurascens</i>),...
4	TT chỉ loài + số lượng + bộ phận	35	0,76	Đậu khấu chín cánh (<i>Amomum maximum</i>), Hàn the ba hoa (<i>Desmodium triflorum</i>), Chia vôi bốn cạnh (<i>Cissus quadrangularis</i>), Hồ đặng bốn cạnh (<i>Cissus quadrangularis</i>), Mộc ký năm nhị (<i>Dendrophthoe pentandra</i>), Ngây ba hoa (Sểu bốn nhị (<i>Celtis tetrandra</i>), Ngũ gia bì ba lá (<i>Acanthopanax trifoliatum</i>),...
5	TT chỉ loài + bộ phận + bộ phận con vật	19	0,25	Mò đỏ lá chân vịt (<i>Clerodendrum palmatilobatum</i>), Ngũ da bì chân chim (<i>Schefflera heptaphylla</i>), Trạch lan lá gai mèo (<i>Eupatorium cannabinum</i>),
6	TT chỉ loài + số lượng + bộ phận	11	0,56	Cây bảy lá một hoa (<i>Paris chinensis</i>), Mộc gổ một lá (<i>Munronia unifoliolata</i>), Chia vôi bốn cạnh (<i>Cissus quadrangularis</i>), Hồ đặng bốn cạnh (<i>Cissus quadrangularis</i>), Mộc ký năm nhị (<i>Dendrophthoe pentandra</i>), Ngây ba hoa (Sểu bốn nhị (<i>Celtis tetrandra</i>),...
7	TT chỉ loài + bộ phận + môi trường sống, địa danh	03	0,41	Kê huyết đằng núi (<i>Millettia dielsianan</i>), Ráng cù lần ký sinh (<i>Christella parasitica</i>), Ráy leo Trung Quốc (<i>Pothos chinensis</i>).
Tổng		614	31,28	

Bảng 5. Thành tố chỉ loài kết hợp 2 dấu hiệu chỉ đặc điểm